TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 28/11/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Minh Vương
Các Hội thẩm nhân: 1. Bà Trần Thị Bích Thủy
2. Bà Ngô Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hồ Hoàng Sỹ C
Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng T.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cao Q
Địa chỉ: Thôn V, xã , huyện M, tỉnh Quảng N
Nguyên đơn có mặt tại phiên toà, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 05/9/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hồ Hoàng Sỹ C trình bày: Tôi và cô Nguyễn Thị Cao Q kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng T.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng tôi ly thân từ năm 2014 cho đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm giữa tôi và cô Q không còn, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho tôi được ly hôn với cô Nguyễn Thị Cao Q.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Cao Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự cho rằng Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chị Nguyễn Thị Cao Q đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử….) tuy nhiên chị Q không đến Tòa án làm việc, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Hồ Hoàng Sỹ C và bị đơn Nguyễn Thị Cao Q kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng T. Vì vậy

hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh mâu thuẫn; Nguyên đơn cho rằng nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự về đoàn tụ chung sống. Mặc khác, nguyên đơn và bị đơn đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Hồ Hoàng Sỹ C được ly hôn chị Nguyễn Thị Cao Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Hoàng Sỹ C phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001089 ngày 06/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Anh C đã nộp đủ số tiền trên.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;;*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Triệu Thuận;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương